

Bản án số: 61/2021/HSST
Ngày 23-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Toàn;

Bà Phạm Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kiều Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021, đối với bị cáo:

LTL, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1991, tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 20/29 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 40/16/646 D, phường E, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Hán; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố là: F, mẹ là: G; bị cáo chung sống như vợ chồng với chị H, nhưng không có đăng ký kết hôn, có 01 con; tiền án: Có 02 tiền án tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 36/2013/HSST ngày 07-6-2013 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Bản án Hình sự sơ thẩm số: 27/2017/HSST ngày 24-01-2017 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 48 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tiền sự: Chưa; nhân thân: Không; bị tạm giữ ngày 28-02-2021, bị tạm giam từ ngày 08-3-2021; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh BH1; trú tại: Số 10/20/23/409 I, phường J, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Anh BH2; trú tại: Số 2/12/106 K, phường L, quận M, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Anh BH3; trú tại: Số 9 Lô 3, tập thể N, phường O, quận M, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Anh BH4; trú tại: Số 50 P, thị trấn Q, huyện R, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh NLQ1; trú tại: Số 1 Lô A1, Khu 97 S, phường T, quận U, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Hộ kinh doanh NLQ2 (viết tắt là Hộ kinh doanh); địa chỉ: Số 170 V, phường V, quận M, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Công ty Cổ phần NLQ3 (viết tắt là Công ty NLQ3); địa chỉ trụ sở: Số 29F A, phường W, quận X, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của Công ty NLQ3: Ông Y, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty NLQ3 tại Hải Phòng; địa chỉ: Khu Z, phường AA, thành phố AB, tỉnh Hải Dương là người đại diện theo ủy quyền của Công ty NLQ3 (theo Văn bản ủy quyền số 304/UQ-MM/2021 ngày 23-9-2021); có mặt.

4. Công ty Trách nhiệm Hữu hạn NLQ4 (viết tắt là Công ty NLQ4); địa chỉ trụ sở: Số 399 AC, phường AD, quận AE, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của Công ty NLQ4: Ông AF, chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty NLQ4 Hải Phòng; địa chỉ: Số 36A/170 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của Công ty NLQ4 (theo Văn bản ủy quyền số 229/2021/UQ-NLQ4 ngày 22-9-2021); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

LTL đã đưa ra thông tin để đặt mua trên mạng xã hội (không xác định được nhân thân lai lịch) một căn cước công dân giả số 015071000030 mang tên AG, sinh ngày 24-7-1988, Hộ khẩu thường trú: AH, AI, A, Hà Nội và một căn cước công dân giả số 031091011431 mang tên LTL, sinh ngày 07-8-1991, Hộ khẩu thường trú: Số 20/29 A, B, C, Hải Phòng với giá 600.000 đồng; mua 01 điện thoại mô hình giống với điện thoại Iphone 12 pro; tạo một tài khoản facebook có tên “AJ”; chuẩn bị một sim điện thoại số 0945279682 và tạo tài khoản zalo “AG”. Ngày 23-02-2021, LTL sử dụng căn cước giả tên AG, sim điện thoại số 0945279682 liên lạc với anh NLQ1 (là quản lý căn hộ cho thuê tại AK) để đặt thuê phòng Số 202 của căn hộ AL, khu đô thị AM, phường AN, quận U với giá 500.000 đồng/01 ngày. Đến tối cùng ngày, LTL có đưa chị AO đến ngủ một đêm. Khoảng 08 giờ ngày 24-02-2021, LTL đưa chị AO về nhà rồi quay lại căn hộ AP bằng taxi. Lúc này, LTL sử dụng facebook “AJ” liên hệ với cửa hàng điện thoại của Hộ kinh doanh đặt mua một chiếc Iphone 12 Promax,

màu trắng và một chiếc đồng hồ Apple Watch Series 6 màu đen, LTL yêu cầu nhân viên giao hàng và nhận tiền tại địa chỉ AL, khu đô thị AQ. Đến khoảng 10 giờ 40 phút cùng ngày, anh BH1 và anh BH2 là 02 nhân viên cửa hàng điện thoại đến giao hàng. Tại đây, LTL mời hai người này lên trên phòng 202 của căn hộ thể hiện đây là nhà của mình. Sau đó, LTL đề nghị được mở hộp điện thoại Iphone 12 pro max ra trước để xem hàng, dán kính cường lực nhưng nhân viên giao hàng không đồng ý, nên LTL quay sang kéo dài thời gian bằng cách giả vờ gọi điện thoại mô hình giống với điện thoại Iphone 12 pro cho bạn cầm tiền đến. Sau đó, LTL đề nghị nhân viên giao hàng cho mượn hộp đồng hồ Apple Watch 6 để cầm sang phòng bên cạnh hỏi ý kiến vợ. Tin tưởng LTL là chủ nhà, nên anh BH2 và anh BH1 đã đồng ý đưa hộp đồng hồ Apple Watch Series 6 cho LTL. LTL cầm tài sản này đi xuống tầng 01 rồi bắt taxi đến cửa hàng điện thoại AR, địa chỉ 168 V, M, Hải Phòng. LTL liên lạc với chủ cửa hàng là anh AS, trú tại: Tổ AT, quận AU, thành phố Hải Phòng để bán với giá 7.500.000 đồng. Số tiền này, AS đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng Vietcombank của LTL. AU không biết đây là tài sản do LTL chiếm đoạt mà có, LTL cũng không nói cho AU biết. Số tiền bán được, LTL đã sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Ngày 27-02-2021, LTL đến Cơ quan Công an đầu thú và tự nguyện giao nộp 01 bộ quần áo màu đen, sọc trắng có chữ adidas; 01 đôi dép màu xanh bằng nhựa; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia model 6300, màu đen, có in dãy số trên vỏ máy: 353508/02/001034/9 đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone SE, màu hồng, số imei trên vỏ máy: 355434073349823 đã qua sử dụng, 01 căn cước công dân số 015071000030 mang tên AG, sinh ngày 24-7-1988, Hộ khẩu thường trú: AH, AI, A, Hà Nội và 01 căn cước công dân số 031091011431 mang tên LTL, sinh ngày 07-8-1991, Hộ khẩu thường trú: số 20/29 A, B, C, Hải Phòng.

Tại bản Kết luận định giá số 09/KL-HĐĐGTS ngày 28-02-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận U kết luận: *“Một chiếc Apple Watch Series 6, số IMEI: GY6DW4J3Q1RP có giá trị 10.650.000 đồng”.*

Tại bản Kết luận giám định số 59/KLGD-PC09 ngày 28-4-2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố Hải Phòng, kết luận:

“01 (một) Căn cước công dân; Số: 031091011431; Họ và tên: LTL; Ngày, tháng, năm sinh: 07/08/1991; Nơi thường trú: Số 20/29 A, B, C, Hải Phòng, ghi ngày 21/05/2020 (ký hiệu A1) là giả;

01 (một) Căn cước công dân; Số 015071000030; Họ và tên: AG; Ngày, tháng, năm sinh: 24/07/1988; Nơi thường trú: P11 gác 22A, TT Dệt 8/3 Quỳnh Mai, A, Hà Nội, ghi ngày 01/10/2018 (ký hiệu A2) là giả”.

Ngoài hành vi phạm tội trên, quá trình điều tra mở rộng vụ án, đã xác định LTL còn thực hiện hai hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Cùng thủ đoạn nêu trên, ngày 12-01-2021, LTL đã thuê phòng 101 căn hộ AV, khu đô thị AM, AN, U, Hải Phòng. Ngày 13-01-2021, LTL sử dụng facebook

do LTL tạo ra có tên là “AW” nhắn tin đặt mua hàng của Công ty NLQ3 01 điện thoại Iphone 12, 128gb, màu xanh và 01 bộ máy tính để bàn. LTL yêu cầu giao hàng tại căn hộ AV. Đến trưa ngày 13-01-2021, anh BH3 là nhân viên giao hàng của Công ty NLQ3 đến giao hàng cho LTL. Tại đây, LTL mời BH3 vào căn hộ, rồi mượn điện thoại Iphone 12 128Gb xem trước và yêu cầu BH3 lắp đặt bộ máy tính. BH3 đồng ý đưa điện thoại cho LTL và tiếp tục lắp đặt. Sau khi cầm được điện thoại, LTL ra ngoài bắt xe ôm bỏ đi, không thanh toán tiền. Sau đó, LTL đã bán chiếc điện thoại chiếm đoạt được cho một người không quen biết với giá 17.000.000 đồng. Số tiền này LTL đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 02-3-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận U kết luận: *“Một chiếc Apple Iphone 12 128 Green có giá 23.390.000 đồng”.*

Cùng thủ đoạn nêu trên, ngày 25-01-2021, LTL thuê phòng tại khách sạn địa chỉ: Số 24, Lô 1, Khu 97 S, phường T, quận U, thành phố Hải Phòng. Sau đó, sử dụng facebook “AJ” do LTL lập đặt mua hàng online của Siêu thị điện máy HC Hải Phòng và yêu cầu giao hàng tại khách sạn đã thuê. Khoảng 16 giờ ngày 25-01-2021, anh BH4 là nhân viên giao hàng của siêu thị HC đến giao hàng cho LTL gồm: 01 đồng hồ Apple Watch Series 6 4GB, 40mm, màu đỏ; 01 điện thoại Iphone 12 Pro max 256GB, màu vàng; 01 ốp trong mophie Iphone 12Pro max; 01 kính cường lực Hoco; 01 sạc nhanh Apple Iphone 20W và 01 bộ máy tính kèm máy in để bàn. Tại đây, LTL yêu cầu anh BH4 lắp đặt bộ máy tính, còn LTL được xem trước điện thoại, đồng hồ và một số phụ kiện điện thoại. Do tin tưởng, nên anh BH4 đồng ý đưa cho LTL và tiếp tục lắp đặt. Sau khi cầm được điện thoại, đồng hồ và một số phụ kiện điện thoại trong tay, LTL ra ngoài bắt xe ôm bỏ đi, không thanh toán tiền. Sau đó, LTL đã bán toàn bộ tài sản chiếm đoạt được cho một người không quen biết với giá gần 30.000.000 đồng, số tiền này LTL đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 14-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự, Ủy ban nhân dân quận U kết luận:

“Đồng hồ Apple Watch Series 64Gb, 40mm, màu đỏ (Red) có giá trị 12.490.000 đồng. Điện thoại Iphone 12 Pro max 256Gb, màu vàng (Gold) có giá trị 29.136.000 đồng. Ốp trong mophie Iphone 12 Pro max (6.7”) có giá trị 320.000 đồng. Kính cường lực Hoco G5/G6 Iphone12 Pro max (6.7”) có giá trị 65.000 đồng. Sạc nhanh Apple Iphone 20W USB-C có giá trị 430.000 đồng. Tổng là 42.441.000 đồng”.

Tại Cáo trạng số: 61/CT-VKSHB ngày 17-8-2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố bị cáo LTL về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận hành vi như nội dung Viện Kiểm sát nhân dân

quận Hồng Bàng đã truy tố.

Tại phiên tòa, bị hại là anh BH1 và anh BH2 thống nhất trình bày như sau: Anh BH1 và anh BH2 đều là nhân viên của Hộ kinh doanh, anh BH1 và anh BH2 có trách nhiệm quản lý hàng trong quá trình giao hàng cho khách. Nếu anh BH1 và anh BH2 làm mất hàng của Hộ kinh doanh, thì anh BH1 và anh BH2 phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền bằng với giá bán thực tế của loại hàng đó. Sau khi, bị cáo chiếm đoạt tài sản như nêu trên của Hộ kinh doanh do anh BH1 và anh BH2 quản lý, anh Dũng và anh BH2 đã phải bồi thường cho Hộ kinh doanh tổng số tiền 11.250.000 đồng. Trong đó, anh BH1 phải bồi thường số tiền 5.625.000 đồng, anh BH2 phải bồi thường số tiền 5.625.000 đồng. Vì vậy, anh BH1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.625.000 đồng, anh BH2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.625.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại là anh BH3 trình bày như sau: Anh BH3 là nhân viên giao hàng của Công ty NLQ3, anh BH3 có trách nhiệm quản lý hàng trong quá trình giao hàng cho khách. Nếu anh BH3 làm mất hàng của Công ty NLQ3, thì anh BH3 phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền bằng với giá bán thực tế của loại hàng đó. Sau khi, bị cáo chiếm đoạt tài sản như nêu trên của Công ty NLQ3 do anh BH3 quản lý, anh BH3 đã phải bồi thường cho Công ty NLQ3 số tiền 23.390.000 đồng. Vì vậy, anh BH3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 23.390.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại là anh BH4 trình bày như sau: Anh BH4 là nhân viên giao hàng của Công ty NLQ4, anh BH4 có trách nhiệm quản lý hàng trong quá trình giao hàng cho khách. Nếu anh BH4 làm mất hàng của Công ty NLQ4, thì anh BH4 phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền bằng với giá bán thực tế của loại hàng đó. Sau khi, bị cáo chiếm đoạt tài sản như nêu trên của Công ty NLQ4 do anh BH4 quản lý, anh BH4 phải bồi thường cho Công ty NLQ4 số tiền 48.180.000 đồng. Vì vậy, anh BH4 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 48.180.000 đồng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Công ty NLQ3 và Công ty NLQ4 đều xác nhận lời trình bày của anh BH3 và anh BH4 là đúng sự thật và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của anh BH3 và anh BH4.

Tại phiên tòa, bị cáo LTL chấp nhận các yêu cầu đề nghị bồi thường của các bị hại như nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát trình bày lời luận tội như sau:

Bị cáo LTL bằng thủ đoạn gian dối đã ba lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại có tổng giá trị tài sản là 76.481.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết định khung hình phạt là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” và bị cáo đã có hai tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*tái phạm nguy hiểm*”. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo LTL có hành vi cung cấp thông tin để đặt mua qua facebook một Căn cước công dân giả mang tên AG và sử dụng căn cước này để thuê phòng Số 202 Căn hộ Số AV, khu đô thị AM, phường Thượng Lý, U làm nơi thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, bị cáo LTL đã có hành vi cung cấp thông tin để làm giả căn cước và sử dụng chính căn cước giả đó để thực hiện hành vi trái pháp luật. Vì hành vi sử dụng Căn cước công dân giả mang tên AG làm phương thức, thủ đoạn để thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về một tội riêng.

Căn cứ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa, thấy rằng: Bị cáo LTL với động cơ, mục đích là làm giả căn cước công dân, nên đã chủ động đặt mua trên mạng xã hội của người không quen biết và đã tiếp tay cho đối tượng làm giả bằng hành vi cung cấp thông tin phân họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước công dân, hộ khẩu thường trú đối với căn cước công dân giả mang tên LTL và cung cấp thông tin phân họ và tên đối với căn cước công dân giả mang tên AG. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức với tình tiết định khung hình phạt là *“Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng...”* và bị cáo đã có hai tiền án chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp *“tái phạm nguy hiểm”*. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định tại Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định giới hạn của việc xét xử, thì Hội đồng xét xử có quyền xét xử bị cáo LTL thêm 01 tình tiết định khung *“Làm từ 02 ... con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác”* về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Từ những phân tích nêu trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm d, e khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo LTL mức án từ 42 tháng đến 48 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt của hai tội đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 72 tháng đến 84 tháng tù. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại màu đen không nhãn hiệu, không khởi động được (điện thoại mô hình); 01 bộ quần áo chất liệu vải màu đen có sọc trắng chạy dọc 02 bên tay và ống quần, có thêu chữ adidas màu trắng đã qua sử dụng; 01 đôi

dép màu xanh bằng nhựa đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân số 015071000030 mang tên AG, sinh ngày 24-7-1988, Hộ khẩu thường trú: AH, AI, A, Hà Nội và một căn cước công dân giả số 031091011431 mang tên LTL, sinh ngày 07-8-1991, Hộ khẩu thường trú: Số 20/29 A, B, C, Hải Phòng.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia model 6300, màu đen, có in dãy số trên vỏ máy: 353508/02/001034/9 đã qua sử dụng và 01 điện thoại Iphone SE, màu hồng, số imei trên vỏ máy: 355434073349823 đã qua sử dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo LTL phải bồi thường cho anh BH1 số tiền 5.625.000 đồng, bồi thường cho anh BH2 số tiền 5.625.000 đồng, bồi thường cho anh BH3 số tiền 23.390.000 đồng và bồi thường cho anh Mạc Chi BH4 số tiền 48.180.000 đồng.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với H do chưa đủ căn cứ xác định đồng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục tách ra, làm rõ xử lý sau.

Đối với Phạm Văn Tình không đủ căn cứ xác định có dấu hiệu phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng không xử lý.

Đối với hành vi LTL thuê làm giả căn cước công dân cho LTL, đối tượng làm giả căn cước công dân bán cho LTL cùng các đối tượng khác mua tài sản do LTL phạm tội mà có chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với hành vi giữa tháng 02-2021, cũng với phương thức thủ đoạn như trên, LTL đã chiếm đoạt tài sản là một điện thoại Iphone trên địa bàn thành phố Hà Nội (không nhớ địa chỉ cụ thể). LTL không nhớ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của cửa hàng nào vì tìm và đặt mua qua mạng, sau khi chiếm đoạt được tài sản đã bán cho người không quen biết được số tiền 20.000.000 đồng. LTL đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Hành vi này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về tài liệu, chứng cứ cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tội danh:

[3] Chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên tòa, bị cáo nhận tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản ghi lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án về động cơ, mục đích, thủ đoạn phạm tội và cách thức bị cáo tiêu thụ tài sản sau khi đã chiếm đoạt được từ bị hại. Đồng thời, còn được chứng minh bởi Kết luận định giá số 09/KL-HĐĐGTS ngày 28-02-2021, Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 02-3-2021, Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐGTS ngày 14-5-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận U và Kết luận giám định số 59/KLGD-PC09 ngày 28-4-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 27-02-2021 tại Công an phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng và các vật chứng đã thu giữ của bị cáo. Từ các kết luận định giá tài sản nêu trên xác định các tài sản bị cáo chiếm đoạt của các bị hại có tổng giá trị là 76.481.000 đồng.

[4] Ngày 23-02-2021, bị cáo sử dụng căn cước công dân giả tên AG để thuê 01 phòng tại căn hộ AL, khu đô thị AM, phường AN, U. Ngày 24-02-2021, sử dụng facebook “AJ” liên hệ với cửa hàng điện thoại của Hộ kinh doanh NLQ2 đặt mua một chiếc Iphone 12 Promax và một chiếc đồng hồ Apple Watch Seris 6 màu đen, yêu cầu nhân viên giao hàng và nhận tiền tại địa chỉ AL, khu đô thị AQ. Sau khi nhân viên giao hàng mang hàng đến, LTL mời hai người này lên trên phòng đã thuê thể hiện đây là nhà của mình. Sau đó, LTL đề nghị được mở hộp điện thoại để xem hàng, dán kính cường lực nhưng nhân viên giao hàng không đồng ý, nên LTL kéo dài thời gian bằng cách giả vờ gọi điện thoại mô hình giống với điện thoại Iphone 12 pro cho bạn cầm tiền đến. Sau đó, LTL đề nghị nhân viên giao hàng cho mượn hộp đồng hồ Apple Watch 6 để cầm sang phòng bên cạnh hỏi ý kiến vợ. Sau khi cầm được hộp đồng hồ Apple Watch Seris 6, LTL bỏ đi, không thanh toán tiền và bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Theo Kết luận định giá số 09/KL-HĐĐGTS ngày 28-02-2021 chiếc đồng hồ này có giá trị 10.650.000 đồng.

[5] Theo Công văn số: 50/TANDTC-PC ngày 07-4-2020 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn xử lý hình sự đối với người vừa sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thì hành vi vừa sử dụng giấy tờ tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là dấu hiệu đặc trưng trong mặt khách quan của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và cũng là hành vi khách quan của tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Nên

theo quy định tại Mục 2 Công văn số: 233/TANDTC-PC ngày 01-10-2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì người thực hiện một hành vi phạm tội nhưng thỏa mãn dấu hiệu cấu thành của nhiều tội thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội nặng hơn. Vì vậy, hành vi của bị cáo nêu trên chỉ bị xử lý hình sự về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Ngày 12-01-2021, LTL đã thuê phòng tại căn hộ AV, khu đô thị AM, U. Ngày 13-01-2021, LTL sử dụng facebook do LTL tạo ra có tên là “AW” nhắn tin đặt mua hàng của Công ty NLQ3 Hải Phòng 01 điện thoại Iphone 12 128gb và 01 bộ máy tính để bàn, yêu cầu giao hàng tại căn hộ. Sau khi nhân viên giao hàng mang hàng đến, LTL mời BH3 vào căn hộ, rồi mượn điện thoại Iphone 12 128Gb xem trước và yêu cầu BH3 lắp đặt bộ máy tính. Sau khi cầm được điện thoại, LTL bỏ đi, không thanh toán tiền, sau đó bán chiếc điện thoại này lấy tiền chi tiêu cá nhân. Theo Kết luận định giá tài sản số 10/KL - HĐĐGTS ngày 02-3-2021, chiếc điện thoại này có giá trị 23.390.000 đồng.

[7] Ngày 25-01-2021, LTL thuê phòng tại khách sạn tại địa chỉ: Số 24, Lô 1, Khu 97 S, phường T, U. Sau đó, sử dụng facebook “AJ” do LTL lập đặt mua hàng online của Siêu thị điện máy HC Hải Phòng và yêu cầu giao hàng tại khách sạn đã thuê. Khoảng 16 giờ ngày 25-01-2021, sau khi nhân viên giao hàng chuyển hàng đến, LTL yêu cầu lắp đặt bộ máy tính, còn LTL được xem trước điện thoại, đồng hồ và một số phụ kiện điện thoại. Sau khi cầm được điện thoại, đồng hồ và một số phụ kiện điện thoại trong tay, LTL bỏ đi, không thanh toán tiền và bán toàn bộ tài sản này lấy tiền chi tiêu cá nhân. Theo Kết luận định giá tài sản số 21/KL - HĐĐGTS ngày 14-5-2021, 01 đồng hồ Apple Watch Series 64Gb, 40mm có giá trị 12.490.000 đồng; 01 điện thoại Iphone 12 Pro max 256Gb có giá trị 29.136.000 đồng; 01 ốp trong mophie Iphone12 Pro max có giá trị 320.000 đồng; 01 kính cường lực Hoco G5/G6 Iphone12 Pro max có giá trị 65.000 đồng; 01 sạc nhanh Apple Iphone 20W USB - C có giá trị 430.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản này là 42.441.000 đồng.

[8] Từ các phân tích tại Mục [3], [4], [5], [6], [7] có đủ cơ sở kết luận, vì muốn có tiền ăn tiêu nên bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo LTL đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại có tổng giá trị 76.481.000 đồng. Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích như đã nêu tại phần căn cước lý lịch, lần này bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định là “*tái phạm nguy hiểm*”. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[9] Bị cáo LTL với động cơ, mục đích là làm giả căn cước công dân, nên đã chủ động đặt mua trên mạng xã hội của người không quen biết và đã tiếp tay cho đối tượng làm giả bằng hành vi: Cung cấp thông tin phân họ và tên, ngày tháng năm sinh, số căn cước công dân, hộ khẩu thường trú đối với căn cước công dân giả mang tên LTL và cung cấp thông tin phân họ và tên đối với căn cước công dân giả

mang tên AG. Theo Kết luận giám định số 59/KLGD-PC09 ngày 28-4-2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Hải Phòng, kết luận 02 căn cước công dân này đều là giả. Vì vậy, căn cứ phân tích tại Mục [4], [8], hành vi của bị cáo được xác định là “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng ...*”, “*Tái phạm nguy hiểm*” và “*Làm từ 02 ... con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*”. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm c, d, e khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

[10] Hành vi của bị cáo theo phân tích tại Mục [7] là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân và gây mất trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo theo phân tích tại Mục [8] là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bởi vậy, cần phải buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[11] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích, nên thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo ba lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nêu trên, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[12] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã đầu thú, nên có thể áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự coi đây là tình tiết giảm nhẹ khác đối với bị cáo.

[13] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có tài sản riêng, không có việc làm ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh BH1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.625.000 đồng, anh BH2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.625.000 đồng, anh BH3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 23.390.000 đồng và anh BH4 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 48.180.000 đồng. Xét thấy, Hộ kinh doanh, Công ty NLQ3 và Công ty NLQ4 đều xác định, lời khai của các bị hại là đúng sự thật. Bị cáo LTL chấp nhận toàn bộ các yêu cầu đề nghị bồi thường của các bị hại như nêu trên. Vì vậy, buộc bị cáo LTL phải bồi thường cho anh Phan Đình Đức số tiền 5.625.000 đồng, bồi thường cho anh Lê Anh Dũng số tiền 5.625.000 đồng, bồi thường cho anh Cù Huy Khánh số tiền 23.390.000 đồng và bồi thường cho anh BH4 số tiền 48.180.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

[15] Bị cáo đã sử dụng 01 điện thoại màu đen không nhãn hiệu, không khởi động được (điện thoại mô hình); 01 căn cước công dân số 015071000030 mang tên

AG, sinh ngày 24-7-1988, Hộ khẩu thường trú: AH, AI, A, Hà Nội và một căn cước công dân giả số 031091011431 mang tên LTL, sinh ngày 07-8-1991, Hộ khẩu thường trú: Số 20/29 A, B, C, Hải Phòng vào mục đích phạm tội, các tài sản này không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[16] Đối với 01 bộ quần áo chất liệu vải màu đen có sọc trắng chạy dọc 02 bên tay và ống quần, có thêu chữ adidas màu trắng đã qua sử dụng; 01 đôi dép màu xanh bằng nhựa đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo, bị cáo không đề nghị nhận lại tài sản này, các tài sản này không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[17] Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia model 6300, màu đen, có in dãy số trên vỏ máy: 353508/02/001034/9 đã qua sử dụng và 01 điện thoại Iphone SE, màu hồng, số imei trên vỏ máy: 355434073349823 đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo, bị cáo không đề nghị nhận lại tài sản này, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[18] Đối với H do chưa đủ căn cứ xác định đồng phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục tách ra, làm rõ xử lý sau.

[19] Đối với Phạm Văn Tình không đủ căn cứ xác định có dấu hiệu phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng không xử lý.

[20] Đối với hành vi LTL thuê làm giả căn cước công dân cho LTL, đối tượng làm giả căn cước công dân bán cho LTL cùng các đối tượng khác mua tài sản do LTL phạm tội mà có chưa xác định được nhân thân lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

[21] Đối với hành vi giữa tháng 02-2021, cũng với phương thức thủ đoạn như trên, LTL đã chiếm đoạt tài sản là một điện thoại Iphone trên địa bàn thành phố Hà Nội (không nhớ địa chỉ cụ thể). LTL không nhớ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của cửa hàng nào vì tìm và đặt mua qua mạng, sau khi chiếm đoạt được tài sản đã bán cho người không quen biết được số tiền 20.000.000 đồng. LTL đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Hành vi này Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ, xử lý sau.

[22] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.141.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, d khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt LTL 04 (bốn) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ vào điểm c, d, e khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt LTL 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt của hai tội, xử phạt bị cáo 07 (*bảy*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 28-02-2021.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại màu đen không nhãn hiệu, không khởi động được (điện thoại mô hình); 01 bộ quần áo chất liệu vải màu đen có sọc trắng chạy dọc 02 bên tay và ống quần, có thêu chữ adidas màu trắng đã qua sử dụng; 01 đôi dép màu xanh bằng nhựa đã qua sử dụng; 01 căn cước công dân số 015071000030 mang tên Trần Tuấn Anh, sinh ngày 24-7-1988, Hộ khẩu thường trú: P11 Gác 2A2, tập thể Dệt 8/3, Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội và 01 căn cước công dân số 031091011431 mang tên LTL, sinh ngày 07-8-1991, Hộ khẩu thường trú: Số 20/29 Hai Bà Trưng, B, C, Hải Phòng.

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia model 6300, màu đen, có in dãy số trên vỏ máy: 353508/02/001034/9 đã qua sử dụng và 01 điện thoại Iphone SE, màu hồng, số imei trên vỏ máy: 355434073349823 đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20-8-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng)

Căn cứ Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo LTL phải bồi thường cho anh BH1 số tiền 5.625.000 (*năm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng, bồi thường cho anh BH2 số tiền 5.625.000 (*năm triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng, bồi thường cho anh BH3 số tiền 23.390.000 (*hai mươi ba triệu, ba trăm chín mươi nghìn*) đồng và bồi thường cho anh BH4 số tiền 48.180.000 (*bốn mươi tám triệu, một trăm tám mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết của UBTW Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.141.000 (*bốn triệu, một trăm bốn mươi một nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Công an quận Hồng Bàng,
- THA Hình sự, Dân sự;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền